

Số: 1414 /QĐ-ĐHHHVN-ĐT

Hải Phòng, ngày 31 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cảnh báo kết quả học tập đối với sinh viên ĐH học kỳ 2 năm học 2017-2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ trường đại học;

Căn cứ Quyết định số 2136/QĐ-ĐHHHVN ngày 10 tháng 10 năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hàng hải Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1510/QĐ-ĐHHHVN-ĐT ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hàng hải Việt Nam về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy;

Căn cứ Biên bản của hội đồng xét cảnh báo kết quả học tập trường Đại học Hàng hải Việt Nam ngày 24/8/2018;

Theo đề nghị của Trường Phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cảnh báo học tập học kỳ 2 năm học 2017-2018 đối với các sinh viên hệ đại học chính quy (có danh sách kèm theo), cụ thể như sau:

- Cảnh báo mức 1: 612 SV.
- Cảnh báo mức 2: 325 SV.
- Cảnh báo mức 3: 51 SV.

Điều 2. Thời gian cảnh báo kết quả học tập kỳ 2 năm học 2017-2018 được tính kể từ ngày ký. Những sinh viên đã bị cảnh báo học tập kỳ 1 năm học 2017-2018 nhưng không có tên trong danh sách cảnh báo học tập kỳ 2 năm học 2017-2018 thì mức cảnh báo được giảm xuống 01 mức.

Điều 3. Trường các Phòng: Tổ chức - Hành chính, Đào tạo, CTSV, KH-TC; Trường các Khoa/Viện có sinh viên, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên có tên trong Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- HT (để báo cáo);
- Như điều 3;
- Lưu: VT, PĐT.



TS. Nguyễn Khắc Khiêm

**DANH SÁCH SINH VIÊN BỊ CẢNH BÁO HỌC TẬP HỌC KỲ 2 NĂM HỌC 2017-2018**

(Kèm theo Quyết định số: 1414 /QĐ-DHHHVN-ĐT ngày 31 tháng 8 năm 2018)

STT	Mã SV	Họ và tên		TBCHK Trước	TBCHK	TBCTL	TCTL	CB mức 1	CB mức 2	CB mức 3	Ghi chú
Khoa: Viện Cơ khí											
Lớp: CĐT55ĐH											
1	57285	Vũ Hữu	Nam	1.18	0.25	1.74	61		X		
2	57286	Nguyễn Văn	Phong	1.67	1.63	1.78	123		X		
3	51497	Nguyễn Đình	Thiều	1.68	0	2.33	118	X			
Tổng lớp:								1	2	0	3
Lớp: CĐT56ĐH											
1	63948	Trần Hữu	Hoàng	1.2	0	1.89	37		X		
2	63964	Nguyễn Đức	Thanh	1.76	0.84	2.22	69	X			
3	63978	Nguyễn Thanh	Tùng	1.13	0	2.05	55	X			
Tổng lớp:								2	1	0	3
Lớp: CĐT57ĐH											
1	69691	Phạm Tuấn	Anh	0	0	2.67	18		X		
2	68904	Nguyễn Thái	Bào	0	0.36	1.96	14			X	
3	67626	Đinh Quang	Chiến	0	0	2	6		X		
4	69605	Phạm Văn	Hai	0.25	0.88	2.22	36		X		
5	68915	Nguyễn Minh	Hiếu	1.44	0	2.08	36	X			
6	70396	Vũ Xuân	Kiên	0.97	0.45	1.84	35		X		
7	67131	Bùi Ngọc	Nam	1.03	0.47	2.28	45	X			
8	70176	Trần Hải	Nam	0.63	0	1.98	24		X		
9	69655	Phạm Văn	Trọng	2.06	0.65	2.51	44	X			
Tổng lớp:								3	5	1	9
Lớp: CĐT58ĐH											
1	74044	Nguyễn Tân Nhật	Anh	1.69	0.64	2	18	X			
2	75034	Phạm Quang	Dân	0.82	0.79	1.56	16	X			
3	73310	Đoàn Văn	Hiên	2.78	0	3.18	14	X			
4	75095	Phùng Hoàng	Hiệp	1.31	0.53	2.14	14	X			
5	74401	Nguyễn Trần Quang	Huy	1.03	0.32	2.1	10	X			
6	73056	Bùi Trung	Kiên	1.41	0.74	1.75	20	X			
7	75169	Phạm Bá	Lâm	1.03	0.35	2.25	10	X			
8	75179	Phạm Nguyễn Nhật	Linh	1.59	0.71	2.21	17	X			
9	74481	Nguyễn Quốc	Lộc	0.84	0.71	1.82	14	X			
10	73638	Hoàng Quang	Minh	1.34	0.71	1.97	17	X			
11	73070	Bùi Đức	Nam	1.44	0	2.56	9	X			
12	75633	Trần Hoài	Nam	0.59	0	1.19	8		X		
13	73085	Bùi Xuân	Ninh	1.03	0	3.3	5	X			
14	74669	Nguyễn Hoàng	Phúc	0	0	0	0		X		

HỒN
TRƯỜNG
Hàng Hải
Việt Nam

STT	Mã SV	Họ và tên		TBCHK Trước	TBCHK	TBCTL	TCTL	CB mức 1	CB mức 2	CB mức 3	Ghi chú
16	75680	Trịnh Minh	Quang	1.06	0	2.11	9	X			
17	73486	Đoàn Anh	Tài	1	0	2.29	7	X			
18	74739	Nguyễn Thế	Tài	1.19	0.71	2.07	15	X			
19	75997	Vũ Đức	Tài	1.25	0.62	1.79	17	X			
20	74745	Nguyễn Vũ Minh	Thế	1.47	0.97	2	20	X			
21	74895	Nguyễn Nam	Trường	1.53	0.74	1.76	21	X			
22	76059	Vũ Lam	Trường	1.72	0.35	1.97	17	X			
Tổng lớp:								20	2	0	22
Lớp: KCK55ĐH											
1	57171	Trần Văn	Đạt	1.03	0	1.87	78		X		
2	57173	Nguyễn Đình	Định	1.3	0.62	2.07	116	X			
3	57223	Trần Anh	Tuấn	1.63	0	2.07	62	X			
Tổng lớp:								2	1	0	3
Lớp: KCK56ĐH											
1	63884	Phạm Văn	Dũng	1.22	0	2.09	60	X			
2	63835	Phạm Văn	Đồng	1	0.53	1.83	49		X		
3	63843	Phạm Văn	Hưng	1.63	0.53	2.53	61	X			
4	63845	Phạm Đức	Khánh	0.8	0	1.88	45			X	
5	63910	Vũ Minh	Thái	0.67	0	2.03	46		X		
6	63922	Nguyễn Thanh	Tùng	1.15	0.98	1.77	62	X			
7	63924	Bùi Long	Vũ	0.33	0	2.04	27			X	
Tổng lớp:								3	2	2	7
Lớp: KCK57ĐH											
1	69168	Ngôn Văn	Dũng	1.33	0.25	2.26	23	X			
2	68039	Lê Khánh	Duy	0.38	0.53	2.25	36		X		
3	67841	Hà Văn	Hưng	0.81	0.67	2.16	37		X		
4	68854	Nguyễn Văn	Hướng	0.89	0.75	1.63	19			X	
5	67619	Đình Sỹ	Lam	1.47	0.3	2.05	39	X			
6	67118	Bùi Đức	Mậu	1.27	0.18	2.18	30	X			
7	69019	Nguyễn Thành	Nam	1.23	0	2.18	20		X		
8	69173	Nguyễn Thành	Nam	0.38	0.4	2.04	24		X		
9	69652	Phạm Phương	Nam	0	0	2.06	16		X		
10	70489	Vũ Ngọc	Nam	0.81	0.82	2.06	39		X		
11	70443	Vũ Văn	Nam	1	0.74	2.07	36	X			
12	69089	Nguyễn Văn	Nghĩa	1.46	0.76	1.8	41	X			
13	69756	Phạm Văn	Nghĩa	0.75	0.6	2.33	36		X		
14	68791	Nguyễn Bảo	Nguyên	0.56	0.88	2.25	40		X		
15	68319	Mai Anh	Quân	0.15	0.47	2.02	23		X		
16	67102	Bùi Phương Duy	Sơn	0.55	0.59	1.82	19		X		
17	69764	Phạm Hoàng	Thành	1.69	0.95	1.99	53	X			
18	70500	Vũ Duy	Tiến	1.06	0	2.9	10	X			
19	67617	Đào Nhật	Trường	0	0	2.05	11			X	

ST	Mã SV	Họ và tên		TBCHK Trước	TBCHK	TBCTL	TCTL	CB mức 1	CB mức 2	CB mức 3	Ghi chú
20	63918	Đào Duy	Tùng	0.27	0	1.95	30		X		
Tổng lớp:								7	11	2	20
Lớp: KCK58ĐH											
1	75822	Vũ Thị	Chinh	1.56	0.62	2.37	15	X			
2	73768	Lê Thái	Dương	0.91	0	1.61	9	X			
3	73989	Mai Tùng	Dương	1.47	0.86	1.9	25	X			
4	73787	Lê Văn	Giang	1.13	0	1.29	14	X			
5	75131	Phạm Văn	Hậu	1.5	0.88	1.75	18	X			
6	73603	Hoàng Xuân	Hiếu	1.06	0.53	2.17	12	X			
7	74302	Nguyễn Hoàng	Hiếu	1.56	0	1.92	13	X			
8	73183	Doãn Quang	Huy	1.59	0	2.13	12	X			
9	73367	Đỗ Văn	Khởi	1.69	0.54	2.16	16	X			
10	75594	Trần Bảo	Lâm	0.38	0.43	1.33	6		X		
11	74570	Nguyễn Văn	Mạnh	1.39	0.94	2.16	19	X			
12	75631	Tiên Văn	Nam	1.93	0.88	2.1	20	X			
13	75653	Trần Trọng	Nghĩa	1	0	2	8	X			
14	73895	Lê Lập	Quang	1.13	0.64	2.08	13	X			
15	75678	Trần Đình	Quang	2.25	0	2.25	16	X			
16	74747	Nguyễn Duy	Thái	1.5	0.26	2.04	14	X			
17	74748	Nguyễn Hoàng	Thái	0.84	0.35	1.95	10	X			
18	74837	Nguyễn Đức	Tiếp	0.43	0.32	2.4	5		X		
19	75333	Phạm Đức	Trung	0.71	0	2	5		X		
20	75337	Phạm Quang	Trung	1.63	0.79	2.19	18	X			
21	75766	Trần Huy	Trung	1.11	0.93	1.68	17	X			
22	74918	Nguyễn Thế	Tùng	1.19	0.71	1.81	16	X			
23	73968	Lê Quang	Vĩnh	1.66	0.44	2	17	X			
24	73547	Đào Anh	Vũ	1.25	0.56	1.93	15	X			
Tổng lớp:								21	3	0	24
Lớp: KNL56ĐH											
1	64509	Vũ Trung	Hiếu	1.12	0.88	1.72	72	X			
2	64539	Lê Thành	Trung	1.08	1.23	1.57	79	X			
Tổng lớp:								2	0	0	2
Lớp: KNL57ĐH											
1	70492	Vũ Trọng Quyền	Anh	0	0	1.94	18			X	
2	67624	Đình Xuân	Duy	0.2	0.77	1.8	15		X		
3	69556	Phạm Công Phúc	Đạt	1.47	0	2.63	35	X			
4	68078	Lê Quang	Đông	0.46	0	2.16	19		X		
5	69217	Nguyễn Trung	Đức	0.67	0.82	1.83	30		X		
6	69693	Phạm Phương	Nam	1.75	0.64	1.94	39	X			
7	69117	Nguyễn Thế	Phong	1.07	0.53	2.32	37	X			
8	69761	Phạm Hồng	Phong	1.86	0.67	1.8	23		X		
9	67217	Cao Bá	Thiên	0.9	0.16	2.58	25		X		

STT	Mã SV	Họ và tên		TBCHK Trước	TBCHK	TBCTL	TCTL	CB mức 1	CB mức 2	CB mức 3	Ghi chú
10	69127	Nguyễn Đức	Tùng	0.4	0	1.65	26		X		
11	69086	Nguyễn Tự	Tùng	0.93	0.82	2.23	37		X		
12	69747	Phạm Đức	Tùng	2.25	0	2.54	25	X			
Tổng lớp:								4	7	1	12
Lớp: KNL58ĐH											
1	75137	Phạm Hoàng	Huy	1.07	0.95	1.94	17	X			
2	74887	Nguyễn Quốc	Trung	1.13	0.62	2.85	10	X			
Tổng lớp:								2	0	0	2
Lớp: KTO56ĐH											
1	63408	Đỗ Duy	Bình	2	0	1.66	37		X		
2	64468	Nguyễn Văn	Lực	0.44	0	1.8	43		X		
Tổng lớp:								0	2	0	2
Lớp: KTO57ĐH											
1	67811	Hoàng Tiến	Anh	0	0.53	1.54	12			X	
2	70014	Trần Đức	Anh	0.88	0.68	1.83	32		X		
3	70122	Trịnh Công	Ba	1.38	0.94	2.07	42	X			
4	69042	Nguyễn Thành	Hai	1.54	0.67	2.63	31	X			
5	68804	Nguyễn Quý	Hậu	1.85	0.72	2.18	42	X			
6	67502	Đỗ Văn	Hiếu	1.31	0.97	2.39	46	X			
7	68842	Nguyễn Hồng	Kông	1.07	0	1.81	21	X			
8	70067	Trịnh Văn	Luân	0.44	0.32	2	36		X		
9	68144	Lê Long	Nhật	1.31	0.64	1.99	46	X			
10	67759	Hà Minh	Phú	0.84	0.97	1.94	41		X		
11	68619	Nguyễn Việt	Quang	1.56	0.89	2.09	37	X			
12	67050	Bùi Đức	Sơn	2.09	0.79	2.38	51	X			
13	68739	Ninh Đình	Trưởng	1.41	0.86	1.91	39	X			
Tổng lớp:								9	3	1	13
Lớp: KTO58ĐH											
1	74988	Phạm Hoàng	Anh	1.97	0.97	2.18	22	X			
2	73575	Hoàng Đức	Dũng	0.5	0	2	4		X		
3	75041	Phạm Hùng	Dũng	2.91	0.74	2.81	21	X			
4	75475	Trần Quang	Đại	1.88	0.62	2.38	17	X			
5	74200	Nguyễn Minh	Đăng	1.28	0.91	2	18	X			
6	74375	Nguyễn Hà	Hậu	1.28	0.81	1.86	18	X			
7	74309	Nguyễn Minh	Hiếu	1.07	0.21	2.57	7	X			
8	75876	Vũ Quang	Hiếu	1.38	0.53	2.07	15	X			
9	75138	Phạm Quang	Huy	1.03	0.88	1.75	18	X			
10	75561	Trần Văn	Huy	1.81	0	2.23	13	X			
11	75917	Vũ Hồng	Khang	1.66	0.65	1.79	21	X			
12	74551	Nguyễn Ngọc	Minh	2.06	0.71	2.05	22	X			
13	73886	Lương Hiếu	Phong	1.53	0.53	2.09	16	X			
14	75665	Trần Thanh	Phong	0.21	0.88	1.69	8		X		

ST	Mã SV	Họ và tên		TBCHK Trước	TBCHK	TBCTL	TCTL	CB mức 1	CB mức 2	CB mức 3	Ghi chú
15	74667	Nguyễn Văn	Phú	1.19	0	2.11	9	X			
16	74730	Nguyễn Ngọc	Sơn	1.31	0.2	1.71	14	X			
17	75281	Phùng Ngọc	Tân	1.75	0.2	1.62	17	X			
18	75765	Tạ Quốc	Trung	0	0.93	2.6	5		X		
19	74916	Nguyễn Phú	Tùng	0.66	0	3.5	3		X		
20	76076	Võ Thành	Vinh	1.38	0.35	2.33	12	X			
21	75368	Phạm Minh	Vương	1.81	0.85	1.81	24	X			
Tổng lớp:								17	4	0	21
Lớp: MXD55ĐH											
1	56472	Nguyễn Văn	Đức	1.12	0.5	1.74	79	X			
Tổng lớp:								1	0	0	1
Lớp: MXD56ĐH											
1	63225	Trần Huy	Hoàng	1.21	0.47	1.85	47		X		
2	63226	Bùi Quang	Huy	1.12	0.93	1.77	58	X			
3	63227	Nguyễn Phạm Công	Huy	0	0.43	1.41	32		X		
4	63237	Âu Đức	Nghĩa	1.5	0.57	1.59	48	X			
5	63244	Nguyễn Xuân	Thắng	1.17	0	1.68	46		X		
Tổng lớp:								2	3	0	5
Lớp: MXD57ĐH											
1	67099	Bùi Tùng	Dương	0.45	0.83	1.9	29		X		
2	67910	Hoàng Việt	Hà	0.78	0	1.84	28		X		
3	67632	Đào Quang	Minh	0.31	0.44	1.7	20			X	
4	70589	Vũ Tấn	Minh	0	0	2	8			X	
5	69879	Phạm Việt	Trung	0.31	0	2.26	19			X	
Tổng lớp:								0	2	3	5
Lớp: MXD58ĐH											
1	76405	Bùi Quang	Đạt	0	0	0	0		X		
2	74363	Nguyễn Minh	Hoàng	1.09	0.62	2.15	13	X			
3	76489	Tô Quang	Hùng	0.84	0	1.69	8	X			
4	73044	Bùi Quang	Huy	1.19	0.35	2.5	10	X			
5	74973	Nguyễn Quang	Huy	1.58	0.44	2	18	X			
6	74980	Nguyễn Quốc	Huy	0.56	0	3	3		X		
7	75157	Phạm Duy	Khang	0	0	0	0		X		
8	74662	Nguyễn Hữu	Phong	0.64	0.38	2.06	8		X		
9	76497	Vũ Ngọc	Sơn	1.66	0.47	1.82	19	X			
10	74751	Nguyễn Ngọc	Thanh	2.19	0.85	2.56	24	X			
11	76088	Vũ Đức	Tiến	1.19	0	1.9	10	X			
12	74836	Nguyễn Anh	Tiếp	1.03	0.71	2.21	12	X			
13	73551	Đỗ Ngọc	Tuyền	1.25	0.97	1.92	19	X			
Tổng lớp:								9	4	0	13
Tổng khoa:								105	52	10	167